

# YẾU TỐ THÚC ĐẨY QUYẾT ĐỊNH CHỌN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DU HỌC NHẬT BẢN HIKARI ĐỂ DU HỌC CỦA DU HỌC SINH VIỆT NAM

● TRẦN ĐÌNH AN - TRƯƠNG VĂN HUYỀN

## TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu “Yếu tố thúc đẩy quyết định chọn Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari (Công ty Hikari) để du học của du học sinh Việt Nam (DHS)”, nhằm xác định và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố thúc đẩy quyết định chọn công ty tư vấn du học. Kết quả cho thấy có 5 yếu tố tác động đến quyết định chọn Công ty Hikari để du học của DHS theo trình tự quan trọng giảm dần: Chuyên gia tư vấn (1), Áp lực tài chính (2), Quá trình chuyển giao dịch vụ (3), Chất lượng dịch vụ (4), và Điều kiện học tập (5). Từ đó, giúp Công ty Hikari lên kế hoạch và triển khai các giải pháp hữu hiệu, hướng tới sự phát triển bền vững hoạt động kinh doanh.

**Từ khóa:** Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari, du học sinh, du học Nhật Bản.

## 1. Đặt vấn đề

Giáo dục quốc tế đã và đang trở thành xu hướng giáo dục ngày một phát triển trên toàn cầu. Đối với một số quốc gia, quốc tế hóa giáo dục được coi trọng và quan tâm đặc biệt. Các bậc phụ huynh mong muốn cho con mình đi theo học một nền giáo dục quốc tế do những lợi ích được mang lại cho sự phát triển cá nhân như: khả năng thích nghi với môi trường sống, nâng cao trình độ ngoại ngữ, trải nghiệm văn hóa nước ngoài, triển vọng nghề nghiệp, cơ hội di cư và thỏa mãn mong muốn nâng cao vị thế xã hội của cá nhân.

Số lượng DHS tại các cơ sở giáo dục ở nước ngoài đang tăng lên đáng kể về số người học đến từ Đông Nam Á. Trong đó, châu Á đóng góp hơn một nửa trong tổng DHS trên thị trường giáo dục quốc tế toàn cầu. Hiện có khoảng gần 200.000 DHS Việt Nam đi học nước ngoài ở bậc Trung học phổ thông, Đại học và sau Đại học, tương đương khoảng

40.000 người đi học mỗi năm, tăng khoảng 2,5 lần so với giai đoạn trước 2013 (Sputnik, 2023). Đứng trước cơ hội về nhu cầu du học tăng mạnh của học sinh Việt Nam, hàng loạt các doanh nghiệp môi giới và dịch vụ tư vấn du học ồ ạt mở ra, chỉ tính riêng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh có khoảng gần 4.000 đơn vị đang hoạt động dưới ngành nghề đăng ký là tư vấn du học (Sputnik, 2023). Điều này cho thấy sức hấp dẫn của thị trường ngành Tư vấn du học đã tạo nên môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt giữa các đối thủ cùng ngành.

Trải qua gần 6 năm hoạt động, việc kinh doanh dịch vụ tư vấn du học Nhật Bản của Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari đã có những thành công nhất định. Công ty đã cố gắng đáp ứng những yêu cầu về tư vấn du học trên địa bàn TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và một số tỉnh lân cận khác. Trước bối cảnh quy mô hoạt động dịch vụ tư vấn du học ở Việt Nam ngày càng

mở rộng hiện nay dẫn đến sự cạnh tranh trong lĩnh vực ngày càng gay gắt, lượng DHS đã tham gia chương trình tư vấn du học từ Công ty Hikari có chiều hướng giảm đi hàng năm một cách rõ rệt. Cụ thể, năm 2020, số lượng DHS giảm 30,38% so với năm 2019, năm 2021 giảm 60,18% so với năm 2019 và năm 2022 giảm 71,21% so với năm 2019, điều này ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty (Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari, 2023). Theo dữ liệu thống kê, một phần có thể ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 vừa qua, phần khác là vấn đề liên quan đến sự không hài lòng về dịch vụ tư vấn và dịch vụ du học của Công ty ngày càng tăng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Đề tài “Yếu tố thúc đẩy quyết định chọn Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari để đi du học của du học sinh Việt Nam” được nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố thúc đẩy và mức độ tác động của chúng đến quyết định chọn Công ty TNHH Tư vấn du học của DHS, giúp Công ty có những giải pháp hữu hiệu cho việc duy trì tốt số lượng DHS, đáp ứng sự tăng trưởng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng vững mạnh.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn sâu 10 chuyên gia, bao gồm: 05 nhân viên công ty (03 trưởng phòng Phát triển thị trường, 02 nhân viên Chăm sóc khách hàng) và 05 DHS của Công ty Hikari. Phần nghiên cứu định tính này nhằm xác định các thang đo và biến quan sát để xây dựng bản câu hỏi khảo sát phục vụ cho nghiên cứu định lượng về các yếu tố tác động đến quyết định chọn Công ty Hikari để đi du học của các DHS Việt Nam.

Nghiên cứu định lượng thông qua sự khảo sát DHS Việt Nam đã chọn Công ty Hikari. Dữ liệu nghiên cứu đã được triển khai bằng phiếu khảo sát trên nền tảng Googledocs gửi đến 280 DHS Việt Nam tại Nhật Bản của các khóa học từ năm 2019 đến năm 2022. Số phiếu trả lời khảo sát thu về được 236 phiếu. Trong đó, có 22 phiếu không hợp lệ (15 phiếu không trả lời đầy đủ các câu hỏi, 7 phiếu chỉ chọn duy nhất mức “1” cho toàn bộ các phần trả

lời). Số phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích trên phần mềm SPSS là 214 phiếu, đạt 90,68% (214 phiếu hợp lệ /236 phiếu thu về). Bản câu hỏi khảo sát phục vụ cho nghiên cứu với nội dung được thiết kế dưới hình thức câu hỏi đóng, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Trung lập, 4: Đồng ý, 5: Hoàn toàn đồng ý). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS với phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy các thang đo thông qua phương pháp Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA), các phép kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin), Bartlett’s Test, phân tích hồi quy tuyến tính bội, phân tích ANOVA và biện luận các kết quả nghiên cứu.

## **3. Mô hình nghiên cứu**

Nghiên cứu dựa trên các khái niệm, lý thuyết và các nghiên cứu liên quan đến các yếu tố thúc đẩy quyết định chọn Công ty Hikari để đi du học của DHS Việt Nam.

Trên cơ sở các mô hình lý thuyết và các nghiên cứu liên quan đến sự quyết định chọn Công ty Hikari để đi du học của DHS Việt Nam, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu với thang đo biến phụ thuộc “Quyết định lựa chọn công ty Hikari đi du học”, cùng với 6 giả thuyết đề xuất. Cụ thể:

*H1: “Chất lượng dịch vụ” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

*H2: “Áp lực tài chính” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

*H3: “Đội ngũ giảng viên” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

*H4: “Chuyên gia tư vấn” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

*H5: “Quá trình chuyển giao dịch vụ” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

*H6: “Điều kiện học tập” có tác động tích cực đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học.*

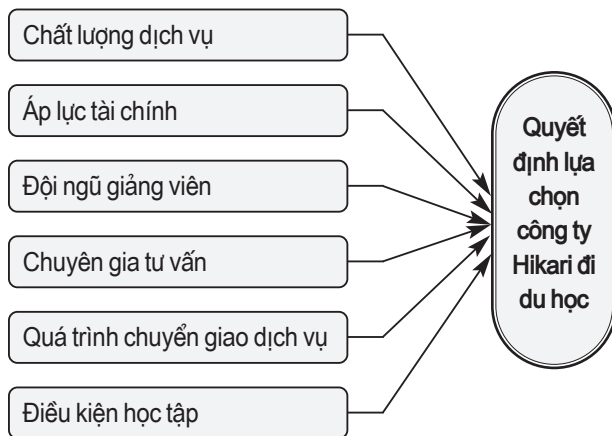
Mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến sự quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học được đề xuất như Hình 1.

## **4. Kết quả nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng khảo sát**

Đối tượng trả lời bản khảo sát để thực hiện nghiên cứu là 236 DHS Việt Nam đã chọn Công ty

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất.**



*Nguồn: Tác giả nghiên cứu, 2023*

Hikari. Số phiếu trả lời khảo sát hợp lệ thu được của DHS được đưa vào phân tích là 214 phiếu. Cụ thể:

*Về giới tính:* Nam chiếm 47,20% (101 phiếu) và nữ chiếm 52,80% (113 phiếu).

*Về trình độ học vấn:* Trung học phổ thông chiếm 50,47% (108 phiếu), Trung cấp chiếm 21,96% (47 phiếu), Cao đẳng chiếm 11,68% (25 phiếu) và Đại học chiếm 15,89% (34 phiếu).

*Về độ tuổi:* Từ 18-24 tuổi chiếm 78,04% (167 phiếu), từ 25- 30 tuổi chiếm 15,42% (33 phiếu), từ 31- 40 tuổi chiếm 6,07% (13 phiếu) và trên 40 tuổi chiếm 0,47% (1 phiếu).

*Về tình trạng hôn nhân:* Độc thân chiếm 90,19% (193 phiếu) và đã có gia đình chiếm 9,81% (21 phiếu).

#### **4.2. Phân tích độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá (EFA)**

Qua kết quả phân tích độ tin cậy thang đo thông qua các hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến tổng của từng thang đo biến độc lập và biến phụ thuộc như sau: Hệ số Cronbach's Alpha của 6 thang đo biến độc lập từ Hình 1: Chất lượng dịch vụ (CLDV); Áp lực tài chính (ALTC); Đội ngũ giảng viên (DNGV); Chuyên gia tư vấn (CGTV); Quá trình chuyển giao dịch vụ (CGDV); và Điều kiện học tập (DKHT) lần lượt là 0,906; 0,895; 0,926; 0,938; 0,916 và 0,927; và một thang đo của biến phụ thuộc Quyết định lựa chọn Công ty Hikari đi du học (QDLC) là 0,823. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát thuộc các thang đo biến độc lập lần lượt là 0,706 - 0,884; 0,728 - 0,877;

0,777 - 0,853; 0,745 - 0,937; 0,752 - 0,917; 0,642 - 0,928; và của các biến quan sát thuộc thang đo biến phụ thuộc là 0,650 - 0,689.

Các hệ số Cronbach's Alpha của 6 biến độc lập (CLDV, ALTC, DNGV, CGTV, CGDV và DKHT) và của biến phụ thuộc (QDLC) ở trên đều có giá trị lớn hơn 0,6 và các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3 sau khi loại biến của kiểm định độ tin cậy của hệ số Cronbach's Alpha lần đầu (có 9 biến quan sát bị loại bỏ). Vì vậy, các thang đo đều đạt độ tin cậy và đủ điều kiện để thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phép trích Principal Component Analysis và phép quay Varimax.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) của 6 thang đo biến độc lập, bao gồm 26 biến quan sát còn lại trong mô hình nghiên cứu (sau khi đã loại bỏ 9 biến ở kiểm định Cronbach's Alpha lần đầu). Dựa trên kết quả của ma trận xoay, hệ số nhân tố tải của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Do đó, các biến quan sát thỏa mãn điều kiện của phân tích. Hệ số KMO bằng 0,883 ( $> 0,5$ ) cho thấy kết quả phân tích yếu tố đảm bảo độ tin cậy; Kiểm định Bartlett's Test có hệ số Sig.= 0,000 ( $< 0,05$ ) thể hiện kết quả phân tích yếu tố đảm bảo được mức ý nghĩa thống kê có độ tin cậy cao. Tổng phương sai trích bằng 80,759% ( $> 50\%$ ) thể hiện sự biến thiên của các yếu tố được phân tích có thể giải thích được ở mức ý nghĩa khá tốt. Hệ số Eigenvalues của yếu tố thứ 6 bằng 1,440 ( $> 1$ ) thể hiện sự hội tụ của phép phân tích dừng ở yếu tố thứ 6 và có 6 yếu tố được trích ra từ dữ liệu khảo sát. Cuối cùng, số biến quan sát được giữ lại là 26 biến, 6 nhân tố đại diện cho thang đo độc lập và cũng được sắp xếp lại như mô hình lý thuyết ban đầu.

Phần kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho biến phụ thuộc chỉ rút trích được một yếu tố duy nhất (Bảng 1). Hệ số KMO bằng 0,803 ( $> 0,5$ ), cho thấy kết quả phân tích yếu tố đảm bảo độ tin cậy; Kiểm định Bartlett's Test có hệ số Sig.= 0,000 ( $< 0,05$ ) thể hiện kết quả phân tích yếu tố đảm bảo được mức ý nghĩa thống kê có độ tin cậy cao. Tổng phương sai trích bằng 65,397% ( $> 50\%$ ) thể hiện sự biến thiên của các yếu tố được phân tích có thể giải thích được ở mức ý nghĩa khá tốt. Hệ số Eigenvalues bằng 2,616 ( $> 1$ ), thể hiện sự hội tụ của phép phân tích dừng ở yếu tố này và có 1 yếu tố được trích ra từ

**Bảng 1. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) yếu tố phụ thuộc**

| Biến quan sát                      | Hệ số tải nhân tố |
|------------------------------------|-------------------|
| QDLC1                              | 0,790             |
| QDLC2                              | 0,794             |
| QDLC3                              | 0,811             |
| QDLC4                              | 0,838             |
| Tổng phương sai trích lũy tiến (%) | 65,397            |
| Eigenvalues                        | 2,616             |
| KMO                                | 0,803             |
| Hệ số Sig của Bartlett's Test      | 0,000             |

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2023

dữ liệu khảo sát. Hệ số tải nhân tố của mỗi biến quan sát thể hiện các yếu tố đều lớn hơn 0,5, cho thấy các biến quan sát có ý nghĩa thống kê tốt.

#### 4.3. Phân tích hồi quy

Sau khi phân tích và kiểm định tương quan giữa 6 biến độc lập với biến phụ thuộc, ta có mức ý

nghĩa của tương quan các biến đều nhỏ hơn 0,05 (Bảng 2), ngoại trừ thang đo biến DNGV (đội ngũ giảng viên) có mức ý nghĩa là 0,440 > 0,005 bị loại. Vì vậy, chỉ còn 5 biến độc lập gồm CLDV, ALTC, CGTV, CGDV và DKHT được tham gia vào phân tích hồi quy.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho các thang đo nghiên cứu của 5 biến độc lập H1, H2, H4, H5, H6 và biến phụ thuộc ở mục “4.2” trên đã phù hợp (ngoại trừ biến độc lập H3 có mức ý nghĩa 0,440 > 0,05 bị loại). Thêm vào đó, kết quả phân tích hồi quy của nghiên cứu được thể hiện trên Bảng 3.

Theo kết quả phân tích hồi quy ở Bảng 3, các yếu tố biến độc lập có mức ý nghĩa thống kê Sig. đều nhỏ hơn 0,05, tức có độ tin cậy lớn hơn 95%. Vì vậy, các yếu tố biến độc lập này đều được chấp nhận. Mô hình hồi quy tuyến tính chuẩn hóa được thiết lập như sau:

$$\text{QDLC} = 0,194\text{CLDV} + 0,272\text{ALTC} + 0,411\text{CGTV} + 0,208\text{CGDV} + 0,101\text{DKHT}$$

**Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) yếu tố phụ thuộc**

|      |                        | QDLC | CLDV    | ALTC    | DNGV  | CGTV    | CGDV    | DKHT    |
|------|------------------------|------|---------|---------|-------|---------|---------|---------|
| QDLC | Tương quan             | 1    | 0,661** | 0,714** | 0,053 | 0,819** | 0,655** | 0,676** |
|      | Mức ý nghĩa (2-tailed) |      | 0,000   | 0,000   | 0,440 | 0,000   | 0,000   | 0,000   |
|      | Số mẫu N               | 214  | 214     | 214     | 214   | 214     | 214     | 214     |

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2023

**Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy**

| Coefficients <sup>a</sup> |                              |              |                         |           |                    |               |           |
|---------------------------|------------------------------|--------------|-------------------------|-----------|--------------------|---------------|-----------|
| Mô hình                   | Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa |              | Hệ số hồi quy chuẩn hóa | Giá trị t | Mức ý nghĩa (Sig.) | Đa cộng tuyến |           |
|                           | B                            | Sai số chuẩn | Hệ số Beta              |           |                    | Độ chấp nhận  | Hệ số VIF |
| Hằng số                   | -0,198                       | 0,122        |                         | -1,295    | 197                |               |           |
| CLDV                      | 0,162                        | 0,026        | 0,194                   | 6,135     | 0,000              | 0,652         | 1,354     |
| ALTC                      | 0,240                        | 0,029        | 0,272                   | 8,333     | 0,000              | 0,610         | 1,638     |
| CGTV                      | 0,379                        | 0,032        | 0,411                   | 11,678    | 0,000              | 0,526         | 1,900     |
| CGDV                      | 0,180                        | 0,028        | 0,208                   | 6,552     | 0,000              | 0,642         | 1,558     |
| DKHT                      | 0,078                        | 0,027        | 0,101                   | 2,916     | 0,004              | 0,543         | 1,843     |
| a. Biến phụ thuộc: QDLC   |                              |              |                         |           |                    |               |           |

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2023

Bảng 4. Mô hình hồi quy tổng thể

| Model Summary <sup>b</sup>                                 |        |                |                           |                  |                     |
|------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------|------------------|---------------------|
| Mô hình                                                    | R      | R <sup>2</sup> | R <sup>2</sup> hiệu chỉnh | Sai số ước lượng | Hệ số Durbin-Watson |
| 1                                                          | 0,930a | 0,864          | 0,861                     | 0,17722          | 2,306               |
| a. Biến độc lập: (Hằng số), CLDV, ALTC, CGTV, CGDV và DKHT |        |                |                           |                  |                     |
| b. Biến phụ thuộc: QDLC                                    |        |                |                           |                  |                     |

Nguồn: Kết quả nghiên cứu, 2023

Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính chuẩn hóa ở trên, mức độ quan trọng của các thang đo trong mô hình đối với “Quyết định lựa chọn” theo thứ tự: 1) Chuyên gia tư vấn (Beta = 0,411); 2) Áp lực tài chính (Beta = 0,272); 3) Quá trình chuyển giao dịch vụ (Beta = 0,208); 4) Chất lượng dịch vụ (Beta = 0,194); 5) Điều kiện học tập (Beta = 0,101).

Bảng 4 cho kết quả: R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,861, cho thấy 86,1% sự thay đổi về “Quyết định lựa chọn” được giải thích bởi các biến độc lập được khảo sát trong mô hình.

Hệ số VIF từ 1,354 - 1,900 (< 2), mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến. Các hệ số hồi quy của các thang đo biến độc lập đều dương và có mức ý nghĩa thống kê (Sig.) nhỏ hơn 0,05 (Bảng 3). Vì vậy, các giả thuyết nghiên cứu H1, H2, H4, H5 và H6 được đưa ra ở Mục “3.” (từ mô hình nghiên cứu) đều được chấp nhận.

### 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố tác động đến quyết định chọn Công ty Hikari để đi du học của DHS Việt Nam gồm 5 yếu tố được sắp xếp theo trình tự quan trọng giảm dần: Chuyên gia tư vấn (1),

Áp lực tài chính (2), Quá trình chuyển giao dịch vụ (3), Chất lượng dịch vụ (4), và Điều kiện học tập (5).

Lượng du học sinh giảm đáng kể qua các năm trong giai đoạn 2019-2022 cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có xu hướng giảm sút trầm trọng, một phần nguyên nhân do đại dịch Covid-19 xảy ra, một phần được nhận diện thông qua sự phàn nàn và khiếu nại về dịch vụ tư vấn du học của Công ty từ DHS. Hầu hết, nội dung phàn nàn đề cập đến sự không hài lòng về hoạt động cung cấp dịch vụ du học của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng DHS tham gia chương trình tư vấn du học và đi du học của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được các yếu tố và mức độ tác động đến sự quyết định chọn Công ty cho việc du học của học sinh, giúp các cấp lãnh đạo Công ty Hikari nhìn nhận được thực trạng các yếu tố tác động đến quyết định chọn Công ty, nhằm triển khai thực hiện các giải pháp hữu hiệu trong việc thúc đẩy DHS, cải tiến hoạt động quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và phát triển Công ty bền vững ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Công ty TNHH Tư vấn du học Nhật Bản Hikari (2023). Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty giai đoạn 2019 - 2022. TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Quỳnh Như. (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Đà Nẵng. Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, 6, 1-6.
3. Parasuraman, A., Zeithaml, V A and Berry, LL. (1985). A Conceptual Model of Service Quality and its Implications for Future Research. Journal of Marketing, 49(4), 41-50.
4. Parasuraman, A., Zeithaml, V A and Berry, LL. (1988). SERVQUAL: A Multiple-item Scale for Measuring Consumer Perceptions of Service Quality. Journal of Retailing, 64(1), 12-40.

5. Phạm Thanh Hữu. (2021). Điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn du học. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/cuoc-chien-loai-bo-giay-phiep-con/20936/dieu-kien-kinh-doanh-dich-vu-tu-van-du-hoc>.

6. Sputnik. (2023). Mỗi năm Việt Nam có 40.000 người đi du học. Truy cập tại <https://sputniknews.vn/20231031/moi-nam-viet-nam-co-40000-nguoi-di-du-hoc-26203194.html>.

**Ngày nhận bài: 12/8/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/8/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 12/9/2023**

*Thông tin tác giả:*

**1. TS. TRẦN ĐÌNH AN**

**Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

**2. TRƯƠNG VĂN HUYỀN**

**Học viên Cao học, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

## **A STUDY ON THE FACTORS AFFECTING THE DECISION OF VIETNAMESE STUDENTS TO CHOOSE THE JAPANESE STUDY ABROAD CONSULTING SERVICES OF HIKARI JAPAN STUDY ABROAD CONSULTING CO., LTD**

● Ph.D **TRAN DINH AN**<sup>1</sup>

● **TRUONG VAN HUYEN**<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Nguyen Tat Thanh University

<sup>2</sup>Master's student, Nguyen Tat Thanh University

### **ABSTRACT:**

This study explores the factors affecting the decision of Vietnamese students to choose the Japanese study abroad consulting services of Hikari Japan Study Abroad Consulting Co., Ltd. (Hikari Company). The study determines the factors and evaluates the impact level of each factor. The study finds that there are five factors affecting the decision of Vietnamese students to use Hikari Company's services to study abroad in Japan. These factors, listed in descending order of impacting level, are: consultant, financial pressure, service transfer process, service quality, and learning conditions. This study is expected to help Hikari Company better carry out solutions to improve its business performance sustainably.

**Keywords:** Hikari Japanese Study Abroad Consulting Company Limited, international students, study abroad in Japan.